

Số: 665 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 02 tháng 03 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Nam Hà”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Nam Hà” họp ngày 16/01/2020 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 92/TVT-ĐTDA ngày 10/02/2020 của Công ty Cổ phần Thịnh Vượng TVT;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 92/TTr-STNMT ngày 21/02/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Nam Hà” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Thịnh Vượng TVT (là Chủ dự án) thực hiện tại xã Nam Hà, huyện Tiên Hải với các nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty Cổ phần Thịnh Vượng TVT có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.


Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tiên Hải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nam Hà, huyện Tiên Hải; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan và Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thịnh Vượng TVT chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / s.m

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KTTNMT. 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Nguyễn Khắc Thận

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 665/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

1. Thông tin về Dự án:

- Tên Dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Nam Hà.

- Chủ Dự án: Công ty Cổ phần Thịnh Vượng TVT.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 42 Nguyễn Công Trứ, phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Địa điểm thực hiện Dự án: Xã Nam Hà, huyện Tiền Hải.

- Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án: Đầu tư hạ tầng kỹ thuật CCN diện tích 189.170,5 m² (không bao gồm 11.773,8 m² diện tích đất công nghiệp hiện có), trong đó:

+ Đất công nghiệp: 143.843 m², gồm:

Đất công nghiệp quy hoạch 1: 37.453,7 m²;

Đất công nghiệp quy hoạch 2: 80.419,2 m²;

Đất công nghiệp quy hoạch 3: 25.970, 1 m²;

+ Đất khu điều hành, dịch vụ: 2.117,6 m².

+ Đất giao thông: 19.692,5 m²;

+ Đất cây xanh, mặt nước: 20.154,3 m²;

+ Đất hạ tầng kỹ thuật: 3.363,1 m².

- Các hạng mục, công trình của dự án:

+ San lấp mặt bằng: 189.170,5 m².

+ Xây dựng đường giao thông:

Tuyến đường quy hoạch số 1: Nằm phía Bắc cụm công nghiệp, chạy song song và giáp với đường ĐH 35; Lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè phía nhà máy rộng 5m, vỉa hè phía hành lang đường ĐH 35 rộng 1m; chiều dài đoạn tuyến là 348,4 m;

Tuyến đường quy hoạch số 2: Đầu nối trực tiếp với đường ĐH35, chạy theo hướng Bắc - Nam; bề rộng đường 20,5m (lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè hai bên mỗi bên rộng 5m); chiều dài đoạn tuyến là 303,6 m;

Tuyến đường quy hoạch số 3: Chạy song song với tuyến đường quy hoạch số 1, giáp ranh giới phía Nam của cụm công nghiệp; bề rộng đường 17,5m (lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè phía nhà máy rộng 5m, vỉa hè phía đất nông nghiệp rộng 2m); chiều dài đoạn tuyến là 617,5m;

Tuyến đường quy hoạch số 4: Đầu nối trực tiếp với đường ĐH35, chạy song song với tuyến đường quy hoạch số 2 về phía Tây; bề rộng đường 20,5m (lòng đường rộng 10,5m, vỉa hè hai bên mỗi bên rộng 5m); chiều dài toàn tuyến là 272,7m;

+ Hệ thống cây xanh, mặt nước với diện tích 20.154,3 m²;

+ Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung trên diện tích đất 3.363,1 m² với công suất là 400 m³/ngày đêm;

- + Xây dựng khu điều hành, dịch vụ trên diện tích 2.117,6 m²;
- + Xây dựng 01 trạm biến áp và hệ thống điện tương ứng;
- + Hệ thống thoát nước mưa, nước thải tương ứng với đường giao thông.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

- Trong giai đoạn vận hành: Nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp, từ sinh hoạt của cán bộ công nhân viên của Ban quản lý cụm công nghiệp.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 4,05 m³/ngày, nước thải xây dựng khoảng 11,38 m³/ngày.

- Giai đoạn vận hành: Nước thải từ các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp, vận hành hạ tầng kỹ thuật, lưu lượng khoảng 306,57 m³/ngày đêm.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ san lấp mặt bằng, vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu, chất thải trong quá trình san lấp, thi công xây dựng; bụi, khí thải từ thi công các hạng mục công trình, thi công đường giao thông nội bộ; khí thải từ máy phát điện dự phòng.

- Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển, hoạt động của các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp; mùi, khí thải từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn từ phát quang tạo mặt bằng khoảng 64,8 tấn; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 40,5 kg/ngày; chất thải rắn từ thi công xây dựng các công trình khoảng 493,09 kg/ngày.

- Giai đoạn vận hành:

Chất thải rắn phát sinh từ các dự án đầu tư vào Cụm công nghiệp, vận hành hạ tầng kỹ thuật; chất thải rắn sinh hoạt khoảng 2.208 kg/ngày, chất thải rắn công nghiệp khoảng 5.676 kg/ngày.

Bùn cặn từ nạo vét hệ thống thoát nước mưa khoảng 503,24 m³/năm.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, bao bì đựng phụ gia xây dựng, bao bì đựng sơn thải, pin, bóng đèn huỳnh quang thải; khối lượng khoảng 5,6 kg/ngày.

- Giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất của các dự án đầu tư vào Cụm công nghiệp, từ vận hành các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật; dự báo khối lượng khoảng 581,25 - 1.148,25 kg/ngày.

Lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống xử lý nước cấp (phải quan trắc để xác định tính nguy hại) khoảng 100 kg/ngày.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Nước thải sinh hoạt của công nhân xử lý bằng 04 nhà vệ sinh di động, thuê đơn vị có năng lực xử lý chất thải; nước thải xây dựng được xử lý qua bể lắng, tách dầu mỡ.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hệ thống thu gom nước thải: Nước thải từ các dự án đầu tư trong Cụm công nghiệp được thu gom về trạm xử lý nước thải trung qua hệ thống ống HDPE D250 dài 815 m, D 300 dài 1.036 m.

+ Trạm xử lý nước thải công suất 400 m³/ngày đảm đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A giá trị C với $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$.

Nguồn tiếp nhận nước thải là Sông Mèn.

Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải đầu vào - bể gom - bể tách cát, tách dầu - bể điều hòa - bể phản ứng hóa lý 1, 2 (PAC, NaOH, polymer) - lắng sơ cấp - bể anoxic - bể aeroten - bể lắng thứ cấp - bể khử trùng - hồ kiểm chứng - nguồn tiếp nhận.

Quy mô các hạng mục công trình (kích thước Dài x Rộng x Cao (m)): Bể gom (ngăn tách rác (2x0,9x3,95); ngăn chứa nước (2,5x2x5,5)); bể tách cát, tách dầu (4,1x1,1x2,5); bể điều hòa (5,2x4x4,5 + 2,7x2,4x4,5 + 6,5x1,3x1,8); bể phản ứng hóa lý 1, 2 (1,1x1x2,5 + 1,1x1x2,5); bể lắng sơ cấp (4x4x4,5), ngăn bơm bùn (1x1x4,5); bể anoxic (6,5x2x4); bể aeroten (7x6,5x4); bể lắng thứ cấp (5x5x4), ngăn bơm bùn (1,2x1,2x4); bể khử trùng (3,55x1,2x4); bể phân hủy bùn (2,8x2,2x4,5 + 1,2x1x4,5); bể chứa bùn (2,2x2,2x4,5); hồ kiểm chứng (8,4x5x2,5); hồ sự cố (25x8x2,5).

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phun nước làm ẩm khi đào đắp, san nền; phun nước trên tuyến đường giao thông nội bộ, che chắn bãi chứa đất tạm tránh phát tán bụi; kiểm soát phương tiện vận chuyển, các xe vận chuyển được che chắn, không gây rơi vãi vật liệu, chất thải ra đường, được vệ sinh sau khi vận chuyển; vệ sinh tuyến đường gần khu vực thi công giảm thiểu phát sinh bụi.

- Giai đoạn vận hành:

+ Các dự án đầu tư vào Cụm công nghiệp tự xử lý bụi, khí thải đảm bảo quy chuẩn môi trường, thực hiện theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt/xác nhận.

+ Trồng cây xanh trên diện tích đất đã quy hoạch, dọc các tuyến đường giao thông nội bộ.

+ Biện pháp giảm thiểu mùi, khí thải từ công trình xử lý nước thải tập trung: Tuân thủ nghiêm các yêu cầu về thiết kế và vận hành hệ thống, trồng cây xanh xung quanh trạm xử lý nước thải.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn từ phát quang tạo mặt bằng được hợp đồng với tổ vệ sinh môi trường địa phương vận chuyển, xử lý; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân được thu gom bằng 10 thùng chứa (loại 200 lít) đặt trên công trường, hợp đồng với tổ vệ sinh môi trường địa phương vận chuyển, xử lý; chất thải rắn xây dựng được thu gom vào bãi tập kết tạm, tận dụng một phần để san lấp mặt bằng, phần còn lại thỏa thuận với địa phương để đổ thải, các loại chất thải rắn tái chế được phân loại, bán cho đơn vị thu mua tái chế.

- Giai đoạn vận hành: Các dự án đầu tư vào Cụm công nghiệp tự thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại từng Dự án theo quy định, thực hiện theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt/xác nhận.

Bùn cặn từ hệ thống thoát nước mưa được thuê đơn vị có năng lực thu gom, xử lý.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Thu gom, lưu giữ tại khu lưu giữ diện tích 15 m² tại khu vực công trường, hợp đồng với đơn vị có năng lực vận chuyển, xử lý.

- Giai đoạn vận hành: Các dự án đầu tư vào Cụm công nghiệp tự thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại từng dự án theo quy định, thực hiện theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt/xác nhận.

Chất thải nguy hại từ quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp được thu gom, lưu giữ tại kho diện tích 10 m² bố trí trong khu nhà điều hành, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom, chứa tại bể chứa bùn, đánh giá tính nguy hại theo QCVN 50:2013/BTNMT để quản lý theo quy định; hợp đồng với đơn vị có năng lực vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Giai đoạn thi công xây dựng: bảo trì máy móc thiết bị; không sử dụng thiết bị có độ ồn lớn vào ban đêm; các thiết bị gây rung sẽ được lắp đặt đệm cao su, lò xo chống rung.

- Giai đoạn vận hành: Các dự án đầu tư vào Cụm công nghiệp thực hiện theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt/xác nhận.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT cột A giá trị C.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án:

5.1. Giai đoạn xây dựng:

- Giám sát môi trường không khí xung quanh:

Vị trí: Khu trung tâm Dự án (K1), khu vực cổng vào công trường (K2), khu vực gần khu dân cư (K3).

Tần suất: 6 tháng/lần.

Thông số giám sát: Tiếng ồn, độ rung, bụi tổng, CO, NO₂, SO₂.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

- Giám sát chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển.

5.2. Giai đoạn vận hành:

- Giám sát nước thải:

+ Giám sát định kỳ:

Vị trí giám sát: 01 điểm trước và 01 điểm sau hệ thống xử lý.

Tần suất: 3 tháng/lần.

Thông số giám sát theo QCVN 40:2011/BTNMT (trừ các thông số quan trắc tự động, liên tục).

Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT cột A giá trị C.

+ Giám sát tự động, liên tục các thông số: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, amoni.

- Giám sát bùn thải trạm xử lý nước thải:

Thông số giám sát theo QCVN 50:2013/BTNMT.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 50:2013/BTNMT.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Chỉ tiếp nhận vào Cụm công nghiệp các Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ngành nghề đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; thỏa thuận với các dự án đầu tư về việc đấu nối và xả thải nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh đạt quy chuẩn môi trường quy định.

- Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đến Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi bắt đầu vận hành thử nghiệm ít nhất 20 ngày làm việc.

- Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trước khi hết hạn thời gian vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật./.